TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-12-2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Kim Thái Long.

2. Bà Nguyễn Anh Thư.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Dương Minh Vương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Thủy K, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 155/5 khu phố L, phường L, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 2, xã N, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

(Bà K có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 21/8/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đoàn Thị Thủy K trình bày:

Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý nên vào năm 2015 bà và ông Võ Văn T xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/4/2015.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại ấp 2, xã N, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, vợ chồng bà đã ly thân hơn 01 tháng. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà và ông T có 01 con chung tên Võ Ngọc Kim Anh, sinh ngày 10/12/2015. Hiện con chung đang sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Sự việc đã được Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập thủ tục hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn ông Võ Văn T có đơn xin vắng mặt.

Nguyên đơn bà Đoàn Thị Thủy K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa và có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Đoàn Thị Thủy K khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn T, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Bến Lức thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Nguyên đơn bà Đoàn Thị Thủy K và bị đơn ông Võ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà K và ông T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét thấy, bà Đoàn Thị Thủy K và ông Võ Văn T do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý, đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/4/2015, hôn nhân của bà K và ông T là hợp pháp. Bà K và ông T do quen biết và đi đến hôn nhân, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Theo bà K, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, vợ chồng bà đã ly thân hơn 01 tháng nay. Ông T có đơn xin vắng mặt và không thể hiện ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà K. Xét thấy tình cảm vợ chồng của bà K và ông T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của bà K được ly hôn với ông T phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của bà K xác định quá trình chung sống bà K, ông T có 01 con chung tên Võ Ngọc Kim Anh, sinh ngày 10/12/2015. Xét thấy, cháu Anh đang sống cùng bà K, tại bản tự khai của cháu Anh thì nguyện vọng của cháu Anh là sống cùng với bà K, ông T

vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định về môi trường sinh hoạt của cháu Anh, bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp nên được chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà K không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do ông T không có văn bản gì trình bày vấn đề này, bà K xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[3] Về án phí: Buộc bà Đoàn Thị Thủy K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thủy K đối với ông Võ Văn T về việc ly hôn.

Về hôn nhân: Bà Đoàn Thị Thủy K được ly hôn với ông Võ Văn T.

Về nuôi con chung: Bà Đoàn Thị Thủy K và ông Võ Văn T có 01 con chung là Võ Ngọc Kim Anh, sinh ngày 10/12/2015. Giao con chung tên Võ Ngọc Kim Anh, sinh ngày 10/12/2015 cho bà Đoàn Thị Thủy K trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà K không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Toà án có thể thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Bà Đoàn Thị Thủy K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007701 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức. Bà K đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thu Thảo